

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 4 - 2025

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Khanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Vinh

Ông Thái Quang Thọ

Th- ký ghi biên bản phiên toà: Ông Đặng Trần Hoàng - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:* Bà Hà Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về “tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Khu 6, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Khu 6, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

(Chị P có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh P trình bày: Chị và anh Nguyễn Mạnh H kết hôn ngày 15/03/2018. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh H tại khu 6, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Vợ

chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng dần nứt không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2021 cho đến nay, chị đã về nhà bố mẹ đẻ của chị ở cùng khu 6, xã H, thị xã Phú Thọ, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị P và anh H có 01 con chung là Nguyễn Hạ V, sinh ngày 17/10/2018. Hiện con chung đang ở cùng chị P. Khi ly hôn chị P xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có, không đề nghị tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Mạnh H đã được Tòa án gửi giấy báo nhiều lần (bố đẻ anh H đã nhận và cam kết giao lại cho anh H), nhưng anh H đều vắng mặt, không đến Tòa án làm việc theo giấy báo, nên không có ý kiến. Do vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải vụ án được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản ghi ý kiến của ông Nguyễn Văn Lý (bố đẻ anh H), ngày 10/3/2025, ông Lý cho biết: Cháu P và cháu H đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới vào năm 2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng P, H sống cùng gia đình ông tại khu 6, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống thì vợ chồng P, H xảy ra mâu thuẫn nên cháu P đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ của cháu ở cùng khu 6, xã H, thị xã Phú Thọ, cháu H vẫn ở cùng với gia đình ông. Việc vợ chồng P, H trực trặc mâu thuẫn thì gia đình hai bên đều biết và cũng đã khuyên bảo, hòa giải nhiều nhưng không được. Nay cháu P làm đơn xin ly hôn cháu H tại Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ. Tòa án đã nhiều lần gửi giấy báo cho cháu H, ông nhận và đã thông báo lại cho con trai ông là cháu H. Nhưng cháu H nói là bận đi làm không đến Tòa án làm việc theo giấy báo của Tòa được. Quan điểm của cháu H là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Cháu H hiện là lao động tự do, lái xe thuê sáng đi làm, tối mới về nhà. Do bận đi làm nên cháu H đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt. Vợ chồng P, H có 01 con chung là Nguyễn Hạ V, sinh ngày 17/10/2018. Hiện con chung đang ở cùng mẹ là cháu P ở bên ông bà ngoại. Quan điểm của cháu H và gia đình ông là hiện nay cháu V đang còn nhỏ và đang ở với mẹ, nếu vợ chồng P, H phải ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết về nuôi dưỡng con chung.

3. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa P, được chính quyền địa P cung cấp: Chị P và anh H kết hôn ngày 15/03/2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Chị P và anh H có 01 con chung là Nguyễn Hạ V, sinh ngày 17/10/2018. Hiện chị P và con là cháu Nguyễn Hạ V đang ở cùng bố mẹ đẻ chị P ở khu 6, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Anh H ở cùng với bố mẹ đẻ của anh H cùng khu 6, xã H, thị xã Phú Thọ. Quá trình chung sống thì chị P và anh H có trực trặc, mâu thuẫn theo như lời trình bày của chị P và của ông Lý (bố đẻ anh H), còn nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa P không nắm được, chỉ biết rằng chị P và anh H hiện không chung sống với nhau nữa. Hiện nay chị P xin ly hôn

anh H tại Tòa án. Địa P đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

4. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; Điều 207; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng, án phí, lệ phí toà án:

+ Xử cho chị Nguyễn Thị Minh P được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H.

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hạ V, sinh ngày 17/10/2018 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị P tự nguyện không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, qua lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ trong vụ án này là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh P và bị đơn anh Nguyễn Mạnh H đều có nơi cư trú tại xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo mở lại phiên tòa hợp lệ cho anh H nhưng anh H không đến Tòa án để tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh H.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị P và anh H là hôn nhân hợp pháp, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/03/2018 tại UBND xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống cùng gia đình anh H tại khu 6, xã H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ. Lời trình bày của các đương sự và chứng cứ thu thập, xác minh tại gia đình và chính quyền địa P xác định: Trong cuộc sống hôn nhân chị P, anh H có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị P cùng với con đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng

6/2021 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị P và anh H là mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị P được ly hôn anh H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị P và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hạ V, sinh ngày 17/10/2018. Hiện cháu V đang ở cùng với chị P. Ly hôn, chị P xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H vắng mặt nên không có quan điểm về việc nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy: Con chung của chị P và anh H hiện đang ở với chị P, kể từ khi chị P cùng cháu V về nhà bố mẹ đẻ chị P ở, anh H đã không quan tâm, chăm lo cho con cái và anh H lại không thể hiện quan điểm về việc nuôi con. Kể từ ngày chị P và anh H không ở cùng nhau, cháu V ở chị P, một mình chị vẫn chăm lo ăn uống, học hành đầy đủ cho con nên cần xử giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị P tự nguyện không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có, không đề nghị tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; Điều 207; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng, án phí, lệ phí tòa án:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị Minh P được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hạ V, sinh ngày 17/10/2018 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị P tự nguyện không yêu cầu. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002738 ngày 17/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ. Chị Nguyễn Thị Minh P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thị;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND xã H, thị xã Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ (2 bản);
- Lưu văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Khanh